TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 268/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 23/6/2025
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Ông Nguyễn Minh Tân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Thanh

Ông Nguyễn Xuân Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 236/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2025, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 274/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 163/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2025, giữa:

1. *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị Quỳnh T**, sinh ngày 26/5/2000;

Địa chỉ: Thôn H, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương. Căn cước công dân số 030300014819 cấp ngày 18/3/2025.

2. *Bị đơn*: Anh **Phạm Quốc H**, sinh ngày 08/7/1995;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn H, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú hiện nay: Slovakia. Căn cước công dân số 030095014884 cấp ngày 25/6/2021

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Phạm Văn V, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn H, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự vắng mặt và đều đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Quỳnh T trình bày: Chị và anh Phạm Quốc H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương ngày 03/12/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm, lối sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung. Sau đó anh H đi lao động tại Slovakia từ đó vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, anh chị ít liên lạc và không quan tâm đến nhau. Hai bên gia đình nhiều lần khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và đã sống ly thân từ lâu, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Quốc H theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Phương L, sinh ngày 11/02/2022 và Phạm Duy K, sinh ngày 21/12/2023. Chị đề nghị mỗi người nuôi một con, chị nuôi con Phạm Phương L và đề nghị giao cho anh H nuôi con Phạm Duy K cho đến khi các con thành niên, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Phạm Văn V (là bố đẻ anh H) trình bày: Ông không biết địa chỉ cụ thể của anh H ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh H vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại. Ông đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh H biết. Anh H có quan điểm xác định quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống bất đồng, không tin tưởng nhau. Từ năm 2023 anh H đi lao động tại Slovakia, vợ chồng ít liên lạc và không quan tâm đến nhau. Anh H cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T xin ly hôn anh hoàn toàn nhất trí. Anh xác định vợ chồng có 02 con chung như chị T trình bày là đúng. Anh nhất trí quan điểm của chị T mỗi người nuôi một con, anh nuôi con Phạm Duy K, chị T nuôi con Phạm Phương L cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Trong thời gian anh không có mặt tại Việt Nam, anh đề nghị tạm giao con Phạm Duy K cho ông V chăm sóc cho đến khi anh về nước. Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, cũng như không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Ông V nhất trí chăm sóc cháu Phạm Duy K cho đến khi anh H về Việt Nam.

Tòa án xác minh tại địa phương nơi chị T, anh H đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, sau khi

kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình anh H. Quá trình chung sống thì anh H đi lao động ở nước ngoài, vợ chồng sống xa cách mỗi người một nơi, nên không có sự quan tâm đến nhau. Nay chị T có đơn ly hôn, đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân, xử cho chị Nguyễn Thị Quỳnh T ly hôn anh Phạm Quốc H; về con chung: Giao con chung Phạm Duy K cho anh H chăm sóc, giao con chung Phạm Phương L cho chị T chăm sóc cho đến khi các con đủ 18 tuổi; không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Tạm giao cháu Phạm Duy K cho ông Phạm Văn V chăm sóc cho đến khi anh H về Việt Nam. Về tài sản không đặt ra giải quyết. Chị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Quỳnh T có đơn khởi kiện bị đơn anh Phạm Quốc H có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại thôn H, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương, hiện đang sinh sống, làm việc tại Slovakia. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Các đương sự đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Quỳnh T và anh Phạm Quốc H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương ngày 03/12/2019 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do anh chị bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung và thường xảy ra cãi nhau. Năm 2023 anh H đi lao động tại Slovakia, do khoảng cách về địa lý, mỗi người ở một nơi nên vợ chồng nghi ngờ, không tin tưởng lẫn nhau. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Anh H cũng

xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị T được ly hôn anh H.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị T và anh H thống nhất để chị T chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Phạm Phương L, anh H chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Phạm Duy K cho đến khi các con đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng cho con. Để đảm bảo quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung chưa thành niên, HĐXX giao cho chị T nuôi dưỡng con chung Phạm Phương L; giao cho anh H nuôi dưỡng con chung Phạm Duy K cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi). Tạm giao cho ông Phạm Văn V nuôi dưỡng cháu Phạm Duy K trong thời gian anh H ở nước ngoài. Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng cho con. Như vậy là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung*:* Chị T, anh H cùng xác định không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Nguyễn Thị Quỳnh T** ly hôn anh **Phạm Quốc H.**

2. Về quan hệ nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Quỳnh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Phạm Phương L, sinh ngày 11/02/2022; giao cho anh Phạm Quốc H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Phạm Duy K, sinh ngày 21/12/2023 cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi). Không ai phải cấp dưỡng cho con.

Chị Nguyễn Thị Quỳnh T và anh Phạm Quốc H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Tạm giao cho ông Phạm Văn V nuôi dưỡng cháu Phạm Duy K, sinh ngày 21/12/2023 trong thời gian anh Phạm Quốc H ở nước ngoài.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Quỳnh T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân và gia đình), được đối trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 0001837 ngày 09 tháng 5 năm 2025 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Quỳnh T có quyền kháng cáo bản án, ông Phạm Văn V được quyền kháng cáo đối với phần có liên quan, thời hạn kháng cáo là 15 ngày. Anh Phạm Quốc H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày. Thời hạn kháng cáo của các đương sự tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Vĩnh Hưng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GĐ&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Minh Tân